

Số: **3261/QĐ-UBND**

Vĩnh Phúc, ngày **24 tháng 12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù của Công ty TNHH Jafa Comfeed Việt Nam tại Lũng Phân Lân, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc uỷ quyền tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, kiểm tra, thẩm định hồ sơ về môi trường và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù tại Lũng Phân Lân, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc tại Báo kết quả thẩm định số 373/BC-STNMT ngày 22/12/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 581/TTr-STNMT ngày 22/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Jafa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là chủ Dự án) thực hiện tại Lũng

Phân Lô, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc với diện tích đất sử dụng là 204.643 m², với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.


Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số 3430/QĐ-CT ngày 23/11/2007, Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tam Đảo; Chủ tịch UBND xã Đạo Trù; Giám đốc Công ty TNHH Jafa Comfeed Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - Chủ tịch, các PCT;
 - CVP, các PCVP;
 - CV: NN1,5, CN1,2,3;
 - Lưu: VT, NN4.
- (H- 08 b) 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khước

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù của Công ty TNHH Jafa
Comfeed Việt Nam tại Lũng Phân Lân, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo

(Kèm theo Quyết định số 3264 /QĐ-UBND ngày 24/12/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

Tên dự án: Chăn nuôi gà giống bố mẹ Đạo Trù.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Jafa Comfeed Việt Nam

Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 0211.3866.170

Địa điểm thực hiện dự án: Lũng Phân Lân, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc

Đây là dự án mở rộng thuộc mục 105 (mục 71), cột 3 – Phụ lục II Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ. Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và trình UBND tỉnh phê duyệt.

1.2. Phạm vi dự án:

- Thực hiện trên khu đất hiện có tại Lũng Phân Lân, xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo với diện tích 204.643 m².

- Phá dỡ các nhà gà H3, H6, I1, I3 có diện tích 720m²/nhà gà; Hoạt động sản xuất sau khi mở rộng, nâng công suất.

1.3. Quy mô, công suất, các hạng mục công trình của dự án

* Quy mô diện tích: Tổng diện tích: 204.643 m².

* Quy mô sản phẩm:

- Giai đoạn hiện tại: 8.500.000 gà con một ngày tuổi giống thịt thương phẩm/năm (được tạo ra từ 84.000 con gà giống bố mẹ/năm).

- Giai đoạn mở rộng: 11.000.000 gà con một ngày tuổi giống thịt thương phẩm/năm (được tạo ra từ 108.700 con gà giống bố mẹ/năm).

* Các hạng mục công trình của dự án.

- Các hạng mục công trình chính của dự án: Nhà nuôi gà H2, H4, H5, I2, I4, I6 (kích thước mỗi nhà gà 128m x 12 m; cấp công trình cấp 4); Nhà nuôi gà H1, I5 (kích thước mỗi nhà gà 128m x 15m; cấp công trình cấp 4); Nhà văn phòng; Nhà nuôi gà H3, H6; I1; I3 được xây mới tại 04 nhà gà H3, H6, I1, I3 đã được phá dỡ (kích thước mỗi nhà gà 128m x 15m; cấp công trình cấp 4).

- Các hạng mục công trình phụ trợ: nhà bảo vệ, kho vật tư, nhà căng tin, nhà tập thể; nhà mổ khám, nhà tắm số 1,2; nhà khử trùng số 1,2; nhà để xe máy, nhà để xe ô tô, nhà máy phát điện; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống PCCC; sân, đường nội bộ, đất dự trữ cây xanh, thảm cỏ.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường: Hồ hủy gà (06 hố); nhà chứa rác; bể tự hoại 3 ngăn (03 bể); Hệ thống XLNT (công suất 30 m³/ngày.đêm).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Các tác động chính trong giai đoạn thi công : bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung.

- Các tác động chính trong giai đoạn thử nghiệm, vận hành: bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần: tổng N, chất rắn lơ lửng, tổng coliform, COD, BOD₅.

- Giai đoạn thử nghiệm, hoạt động: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 4,56 m³/ngày.đêm. Thành phần: tổng N, chất rắn lơ lửng, tổng coliform, COD, BOD₅.

2.3. Quy mô, tính chất của khí thải

- Giai đoạn thi công: thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC,...

- Giai đoạn thử nghiệm, hoạt động: thành phần chủ yếu là bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

* Giai đoạn xây dựng :

- Chất thải rắn xây dựng: Thành phần chủ yếu gồm: sắt thép vụn, các loại vỏ bao xi măng, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ, ...Khối lượng ước tính tháo dỡ các nhà gà cũ khoảng 600 tấn, từ quá trình thi công khoảng 3kg/ngày..

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn dư thừa, bao bì, nhựa thải, ...khối lượng ước tính công nhân xây dựng khoảng 05 kg/ngày, của công nhân đang làm việc nhà máy 7.200 kg/năm.

- Chất thải sản xuất thông thường: thành phần chủ yếu là phân lẫn chất độn chuồng thải, vỏ bao bì đựng thức ăn,khối lượng khoảng 82.325 kg/năm.

* Giai đoạn thử nghiệm, vận hành :

Chất thải rắn thông thường : Thành phần chủ yếu: thức ăn dư thừa, bao bì, nhựa thải, ...Khối lượng phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt khoảng 8.550 kg/năm; chất thải chăn nuôi khoảng 106.196 kg/năm.

2.5. Chất thải nguy hại

* Giai đoạn xây dựng : Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay dính dầu, vỏ bao bì đựng thuốc thú y, thuốc sát trùng, kim tiêm,... Khối lượng phát sinh từ hoạt động hiện tại khoảng 680 kg/năm, từ hoạt động xây dựng 10kg.

* Giai đoạn thử nghiệm, vận hành : Thành phần gồm: bao bì, vỏ thuốc thú y, chất sát trùng, gà chết do dịch bệnh,Khối lượng ước tính khoảng 272.729 kg/năm.

3. Công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn thi công:

3.1.1 Về thu gom và xử lý nước thải: Được sử dụng các nhà vệ sinh hiện có để xử lý sơ bộ sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm hiện có của Công ty.

3.1.2. Về xử lý bụi, khí thải: Phun nước khu vực công trường và các tuyến đường vận chuyển xung quanh dự án (phạm vi khoảng 200m) với tần suất 01-02 lần/ngày tùy thuộc tình hình thời tiết; bố trí tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, chất thải hợp lý,

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom và lưu chứa tại khu vực lưu giữ chất thải hiện có của Công ty với diện tích 15m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Các loại chất thải rắn này được thu gom, vận chuyển đến nơi quy định trong khu vực dự án. Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại: Được thu gom quản lý theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật theo quy định. Thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 15 m² đảm bảo theo quy định. Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: Không hoạt động các loại thiết bị gây tiếng ồn trong khoảng thời gian từ 21h đêm đến 6h sáng. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị; trang bị bảo hộ lao động, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động,...

3.1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống PCCC theo đúng thiết kế được thẩm duyệt; thường xuyên phổ biến, diễn tập ứng cứu sự cố cháy nổ, tai nạn lao động...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1 Về thu gom và xử lý nước thải: Công ty tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý là 30m³/ngày đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải đầu vào → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể lắng (bể chứa bùn dư và hút định kỳ) → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (suối Phân Lĩnh).

3.2.2. *Về xử lý bụi, khí thải:* Trồng cây xanh; lắp đặt quạt thông gió, sử dụng các bình khử mùi hoặc các hóa chất khử mùi,....

3.2.3. *Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:* Tiếp tục thu gom về khu lưu giữ chất thải của Công ty với diện tích 15m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

3.2.4. *Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:* Tiếp tục thu gom về khu lưu giữ chất thải của Công ty với diện tích 15m². Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.2.5. *Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường:* Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống PCCC theo đúng thiết kế được thẩm duyệt; thường xuyên phổ biến, diễn tập ứng cứu sự cố cháy nổ, tai nạn lao động....

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án (đã có): Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm; hệ thống thoát nước thải, nước mưa; bể tự hoại 3 ngăn; nhà chứa rác diện tích 15 m²; hố tiêu hủy gà...

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

5.1. Chương trình quản lý

- Giai đoạn thi công: Trong giai đoạn này trách nhiệm tổ chức thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường, giám sát môi trường do Chủ dự án phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện.

- Giai đoạn vận hành: Trách nhiệm tổ chức thực hiện các công trình biện pháp bảo vệ môi trường, giám sát môi trường do Công ty thực hiện.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công:

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng và thành phần, chủng loại các loại CTR, CTNH phát sinh; hóa đơn/ chứng từ giao nhận chất thải; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Quy chuẩn so sánh: tuân thủ theo hướng dẫn tại theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

b) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: Nước thải trước xử lý (tại bể điều hòa) và 01sau xử lý (tại cửa xả thải trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận).

- Số lượng: 01 mẫu.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần
- Thông số giám sát: Lưu lượng, chất lượng nước thải với các chỉ tiêu: pH, COD, BOD₅, TSS, tổng nito, tổng Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B, K_q =0,9 và K_f = 1,3.

5.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại

5.2.2.1. Giám sát nước thải

a) Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu, số lượng mẫu và tần suất quan trắc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B, K_q =0,9 và K_f = 1,3.

b) Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thương mại:

- Vị trí giám sát: Nước thải trước xử lý (tại bể điều hòa) và 01 sau xử lý (tại cửa xả thải trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận).

- Số lượng: 01 mẫu.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Thông số giám sát: Lưu lượng, chất lượng nước thải với các chỉ tiêu: pH, COD, BOD₅, TSS, tổng nito, tổng Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B, K_q =0,9 và K_f = 1,3.

5.2.2.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Thông số giám sát: khối lượng và thành phần, chủng loại các loại CTR, CTNH phát sinh; hóa đơn/ chứng từ giao nhận chất thải; phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Quy định áp dụng: Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. ✓

Trang cuối./.

